

KHÁT VỌNG HÒA BÌNH, ĐỘC LẬP, TỰ DO, HẠNH PHÚC KỶ NIỆM 50 NĂM KÝ KẾT HIỆP ĐỊNH PARIS ¹

Nguyễn Ngọc Trân

Thưa ông, ông có thể chia sẻ về các phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp trong thời gian diễn ra Hiệp định Paris từ 1968 - 1973?

Năm 1968, khi được phổ biến Paris chọn là nơi sẽ diễn ra *Hội nghị về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam*, phong trào Việt kiều tại Pháp cảm nhận đây là một *vinh dự to lớn* đồng thời là một *trách nhiệm không thể thoái thác* đặt lên vai mình. Nhiệm vụ của Phong trào có thể được xếp vào ba nhóm ²:

1. *Đáp ứng mọi yêu cầu của trong nước, phục vụ tốt nhất* hai đoàn đàm phán, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, trong thời gian hội nghị bất luận hội nghị kéo dài bao lâu;

2. *Củng cố và phát triển Phong trào, đẩy mạnh công tác giải thích trong kiều bào*, qua đó dọi về gia đình kiều bào ở Sài Gòn và các đô thị ở miền Nam ý nghĩa của cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, lập trường của hai đoàn đàm phán;

3. Paris là một ngã tư của thế giới, một nhiệm vụ quan trọng là *vận động để cuộc đấu tranh chính nghĩa* của nhân dân Việt Nam qua *tiếng nói* của hai đoàn đàm phán đến với đông đảo nhân dân thế giới bằng nhiều con đường, đặc biệt đến với nhân dân Hoa Kỳ, các nhà khoa học, các nghị sĩ nhằm tiếp sức cho phong trào phản chiến, cô lập chính quyền Mỹ, yêu cầu rút quân đội Mỹ khỏi Việt Nam.

Thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi một sự huy động tổng lực, ở Paris, ở các chi hội trên toàn nước Pháp, và sự hợp sức với phong trào ở các nước Bỉ, Đức, Nhật, Mỹ, Canada, ...

“Phục vụ tốt nhất” rất đa dạng: tham gia công tác *bảo vệ, hậu cần, chăm sóc sức khỏe, in ấn tài liệu* của hai đoàn đàm phán, *phiên dịch tài liệu viết và dịch các phát biểu, phản ánh dư luận* qua báo chí, *theo dõi hoạt động* của các đoàn đàm phán Hoa Kỳ và Sài Gòn, *biểu diễn văn nghệ* và *hỗ trợ các đoàn nghệ thuật* trong nước sang biểu diễn để hỗ trợ phong trào ủng hộ Việt Nam ở các nước Tây Âu ... và những buổi trình bày *chuyên đề* về khoa học công nghệ, kinh tế, về đào tạo nguồn nhân lực, ... theo yêu cầu của hai đoàn đàm phán.

Với vai trò là Tổng thư ký Hội Liên hiệp trí thức Việt Nam tại Pháp, ông có thể chia sẻ vài câu chuyện/gương mặt Việt kiều yêu nước tiêu biểu thời kỳ đó? Ông có thể

¹ Bài trả lời phỏng vấn của phóng viên VTV nhân kỷ niệm 50 năm ngày ký kết Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam, 27/1/1973.

² Ở thời điểm này, tác giả là Tổng thư ký của Hội Liên Hiệp Trí thức Việt Nam tại Pháp, ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên Hiệp Việt kiều tại Pháp.

chia sẻ về xưởng in của gia đình ông Phùng Công Khải đã sát cánh bên hai phái đoàn như thế nào trong thời gian diễn ra Hiệp định?

Tất cả các giới phụ lão, công nhân, công thương, sinh viên, trí thức và tất cả các chi hội đều có những tấm gương. Cụ Nguyễn Viết Ty, Cụ Trần Văn Mạc, Cụ Trần Phong, các bác Lê Văn Phú, Lê Xuân Thiều ở Paris, Lê Tùng (Lyon), Nguyễn Đức Linh (Grenoble), Hoàng Thị Tịnh (Marseille) là những gương mặt nổi bật về sự tận tụy không mệt mỏi.

Ông Phùng Công Khải trong suốt thời gian diễn ra hội nghị đã dành ưu tiên số một của Nhà in để phục vụ hai đoàn đàm phán, bất luận ngày hay đêm, thứ bảy, chủ nhật hay ngày lễ. Nhà in đã đảm bảo in nhanh, tuyệt đối bí mật, đặc biệt văn bản tiếng Anh và tiếng Việt của Hiệp định. Đêm 26 rạng sáng ngày 27/1/1973 là một đêm trắng tại xưởng để kịp hoàn tất in các văn kiện cho buổi ký kết tại Cung Hội nghị quốc tế Kléber.

Máy bay B52 tàn phá quê hương đã thúc giục một nhóm KS trong đó có hai anh Ngô Hải Thái, Nguyễn Chính Tường, trên cơ sở hiểu biết tích lũy từ nhiều năm của mình, tìm hiểu những tiến bộ mới nhất về radar, phát nhiễu chống radar, phát hiện nhiễu và vượt qua nhiễu.

Họa sĩ Lê Bá Đảng đã sáng tác tác phẩm “*Châu chấu đá voi*” từ mảnh xác máy bay Mỹ, lấy cảm hứng từ hai câu thơ “*Nực cười châu chấu đá voi / Tưởng là chấu ngã ai ngờ voi nghiêng*”.

Bài thơ *Bài ca khởi nghĩa* của Hường Triều (Trần Bạch Đằng), đã được Nguyễn Ngọc Hà, Cao Xuân Toàn phổ nhạc, Nguyễn Thiện Đạo phối âm cho dàn hợp xướng, nhanh chóng được dàn dựng để kịp trình bày trong *Đêm Tết Việt Kiều 1973* chào mừng thắng lợi của Hội nghị Paris.

Có một điều mà đến nay tôi vẫn rất xúc động mỗi khi nghĩ đến, mặc dù nửa thế kỷ đã trôi qua. Đó là những năm tháng Việt Nam chìm trong bom đạn với lời đe dọa “*sẽ đưa Việt Nam trở về thời kỳ đồ đá*”, lại là những năm tháng nung nấu, thúc giục sự nảy sinh, chín muồi của nhiều ý tưởng nghệ thuật lên án chiến tranh xâm lược ở *Điểm Phùng Thị, Lê Bá Đảng, Trần Văn Khê, Nguyễn Thiện Đạo* và nhiều người khác nữa.

Phải chăng đó là cách riêng của các anh chị để *nói lên tâm lòng gắn bó với đất nước, để khẳng định bom đạn không thể nào khuất phục dân tộc Việt Nam, rằng văn hóa Việt Nam sẽ trường tồn?*

Ông có thể chia sẻ cảm xúc của cá nhân ông cũng như bà con Việt kiều khi 2 lần nhận được thư của Bác Hồ trong năm 1969?

Bức thư thứ nhất, ngày 20/1/1969 chúc Tết kiều bào. Bức thư hai, ngày 25/5/1969 gửi Đại hội thành lập Hội Liên Hiệp Việt Kiều tại Pháp. Trong 2 thư, chỉ mấy tháng trước khi mất, Bác căn dặn *Đoàn Kết* và *tranh thủ sự đồng tình của ủng hộ của nhân dân Pháp*, và “*gắng sức học tập, nắm vững KHKT tiên tiến để sau này về nước góp phần vào công cuộc xây dựng Tổ quốc mau chóng trở thành một nước giàu mạnh*”.

Vinh dự và được động viên càng nhiều thì đau thương càng vô bờ khi hay tin Bác qua đời. Mỗi câu chữ trong Di chúc của Bác khắc vào tâm khảm. Câu thơ Tết của Bác “*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*” càng nung nấu. Hơn bao giờ, phong trào nguyện xứng đáng với Người đã sáng lập ra tiền thân của mình, *Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp* nửa thế kỷ trước, năm 1919.

Ký ức của ông về ngày 27/1/1973 khi Hiệp định được ký kết - tâm trạng và cảm xúc của bà con Việt kiều khi đó?

Ký ức về ngày này rất nhiều, tâm trạng và cảm xúc tốt cùng vì là thời điểm vỡ òa sau biết bao dồn nén, uất ức trước những tráo trở, lật lọng trong đàm phán mà lần cuối cùng là 12 ngày đêm ném bom hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng!

Nhưng sâu đậm nhất đối với tôi là trên đại lộ Kléber nói Quảng trường Trocadéro với Quảng trường Khải Hoàn Môn, kiêu bào, già trẻ, gái trai sát vai nhau, tay vẫy cờ đỏ sao vàng và cờ xanh đỏ sao vàng rợp trời. Tất cả để chúc mừng thắng lợi của Việt Nam, của chính nghĩa *Hòa bình, Độc lập, Tự do*. Tất cả để nói với dư luận thế giới rằng cuộc chiến tranh ở Việt Nam không phải là cuộc chiến giữa người Việt Nam mà bắt nguồn từ chính sách hiếu chiến và can thiệp của bốn đời Tổng thống Hoa Kỳ. Tất cả cũng để cảnh báo *Hoa Kỳ phải tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam như Hiệp định Giơ-ne-vơ về Việt Nam đã công nhận*, một điều khoản ở ngay đầu Hiệp định mà Hoa Kỳ sắp ký kết.

Ông nhận định như thế nào về sự chuyển mình của phong trào Việt kiều tại Pháp trong giai đoạn từ 1968 - 1973 và sau năm 1975?

Trong lịch sử 100 năm của mình, gần 9 năm từ năm 1968 đến năm 1976 là khoảng thời gian Phong trào: *hoạt động sôi nổi và dòn dập nhất, đóng góp với đất nước trực tiếp nhất và tích lũy cho mình những kinh nghiệm công tác quý báu nhất*.

* Ngay sau Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã ra đời *Ban Liên lạc Trí thức Việt Nam tại Pháp* để tiến tới Đại hội thành lập *Hội Liên hiệp Trí thức Việt Nam tại Pháp* tháng 11/1968, 6 tháng sau khi Hội nghị Paris bắt đầu.

Kế tiếp là các Hội Liên Hiệp Phụ lão, Liên hiệp Công nhân, Liên hiệp Công Thương Việt Nam tại Pháp lần lượt ra đời. Hội Liên hiệp Sinh viên đã được thành lập từ năm 1965, tháng 5/1969 Hội Liên hiệp Việt kiều tại Pháp được thành lập trở lại sau 10 năm bị cấm hoạt động.

* Năm 1970, lần đầu tiên một đoàn đại biểu Việt kiều tại Pháp được mời về dự Quốc Khánh lần thứ 25.

Trăm nghe không bằng những gì đoàn đã tận mắt thấy dọc theo đất nước từ Quảng Ninh đến Vĩnh Linh. Chứng kiến *tội ác tày trời của đế quốc Mỹ và sự kiên cường tuyệt vời của dân tộc càng khẳng định niềm tin và quyết tâm của phong trào sau chuyến đi*.

* Sức mạnh của Phong trào được nhân lên. Những năm tháng diễn ra Hội nghị là khoảng thời gian vô cùng quý báu, qua đó phong trào dày dặn thêm, mỗi chúng tôi tiếp thu được những bài học quý cho công tác, tích lũy được một vốn sống vô giá.

Không chỉ ở Pháp. Ở Bỉ, Đức, Nhật, Hoa Kỳ, Canada, Anh, Ý, Thụy Sĩ, ... số anh chị em sinh viên du học, một số với học bổng từ chính quyền Sài Gòn, phản đối chiến tranh của Mỹ tại miền Nam, hiểu rõ ý nghĩa và ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân trong nước tăng nhanh. *Nguyễn Thái Bình* bị sát hại vì đã hoạt động phản chiến ngay trong lòng nước Mỹ là một ví dụ và tấm gương về lòng yêu nước và dũng cảm bất chấp mọi hy sinh kể cả tính mạng của mình.

* Hiệp định Paris được ký kết, nhưng âm mưu “*Việt Nam hóa chiến tranh*” và chủ trương “*lấn chiếm, không thực hiện Hiệp định*” của chính quyền Sài Gòn cho thấy phong trào vẫn còn phải tiếp tục nhiệm vụ hỗ trợ đồng bào trong nước để hoàn thành mục tiêu độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

* **30/4/1975** mở ra trang sử mới cho dân tộc Việt Nam. Phong trào cần được củng cố và mở rộng để góp phần xây dựng đất nước trong tình hình mới. Ngày 25/4/1976 Hội Liên hiệp Việt Kiều tại Pháp được mở rộng thành *Hội Người Việt Nam tại Pháp* với 20 chi hội ở các địa phương, và các hội thành viên Phụ lão, Công nhân lao động, Công thương, Phụ nữ, Thanh niên và Dâu rẫy của Việt Nam. Hiệp hội Khoa học Kỹ thuật, Hội Khoa học xã hội và Hội Y học Việt Nam tại Pháp kế tục Hội Liên hiệp Trí thức Việt Nam tại Pháp. Hội Sinh viên và Học sinh tiếp nối Hội Liên hiệp Sinh viên Việt Nam tại Pháp.

Lời dặn trong thư Bác Hồ gửi cho Phong trào ngày 20/1/1969 càng thời sự và nung nấu chúng tôi.

Năm 1976, ông quyết định về nước để chung tay vào công cuộc kiến thiết đất nước. Tại sao ông lại có quyết định này?

* Năm 1966, sau khi Hoa Kỳ đổ quân vào Miền Nam, bắn phá Miền Bắc, hưởng ứng lời *Kêu gọi của Bác Hồ* (17/7/1966), nhiều anh chị trong Phong trào, trong đó có tôi, đã gửi *Tâm thư* tình nguyện về nước, nhận bất cứ nhiệm vụ nào Đảng giao ở Miền Bắc hay ở Miền Nam.

* Ngày 29/7/1976 có điện từ trong nước đề nghị tôi thu xếp về cho kịp năm học mới 1976 – 1977. Gia đình chúng tôi lên đường về nước 2 tháng sau đó, ngày 26/9/1976.

Sau khi về nước, ông đã có đóng góp trong rất nhiều lĩnh vực - như khai phá đồng bằng sông Cửu Long, đổi mới công tác vận động Việt kiều ... Ông có thể chia sẻ về những lĩnh vực mình đã tham gia sau khi về nước?

* Cuộc sống mới của tôi bắt đầu với bốn năm giảng dạy ở Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tại Khoa Toán nơi tôi giảng dạy các môn *Giải tích số, Cơ học các môi trường liên tục* và môn *Tin học*. Đã đề xuất và được Bộ ĐH và THCN chấp nhận, áp dụng Tin học vào công tác tuyển sinh các trường đại học các tỉnh phía Nam năm học 1977-1978.

* Kế tiếp là 12 năm Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học kỹ thuật nhà nước, được giao thêm *Chương trình Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long* (1983-1990); được phân công thay mặt Chính phủ Việt Nam là đồng Chủ tịch Ủy ban hỗn hợp liên

chính phủ Việt Nam – Pháp hợp tác về văn hóa, khoa học và kỹ thuật, và đại diện Việt Nam trong Tổ chức Hợp tác Văn hóa và Kỹ thuật (ACCT).

* Tôi được chuyển về Ban Việt Kiều Trung ương từ tháng 10/1992 đến tháng 3/1996, với nhiệm vụ cùng với các Bộ ban ngành có liên quan soạn thảo chính sách đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài được thành lập thay thế Ban Việt Kiều Trung ương năm 1994.

Năm 1996, tôi được giao nhiệm vụ Phó Chủ tịch Ủy Ban Quốc gia tổ chức Hội nghị cấp cao Pháp ngữ lần thứ 7 tại Hà Nội.

Tôi được giới thiệu ra ứng cử đại biểu Quốc Hội khóa IX năm 1992, tái cử khóa X và khóa XI, hoạt động chuyên trách từ năm 1997 đến khi nghỉ hưu theo chế độ năm 2008. Trong Ủy Ban Đối ngoại, tôi được phân công Trưởng Tiểu ban Kinh tế đối ngoại, Khu vực Mỹ La tinh và Khối Pháp ngữ. *Giám sát 10 năm tiếp nhận, quản lý và sử dụng ODA, Giám sát cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Đánh giá một năm thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Giám sát việc thực hiện các hiệp định Việt Nam đã ký kết với Lào, Algérie, Hội thảo về “Thương hiệu và Chỉ dẫn địa lý trong Hội nhập kinh tế quốc tế”, Tổ chức các chuyến thăm của Chủ tịch Quốc hội Việt Nam lần đầu tiên đến Maroc, Algérie, Brasil, Argentina, Venezuela là những công việc tôi đã thực hiện và tham gia thực hiện.*

31 năm, 5 lần chuyển công tác. Như đã viết trong *Tâm thư* năm 1966, tôi và nhà tôi, kỹ sư Phan Thị Hồng, một cựu tù chính trị dưới chế độ Ngô Đình Diệm, đã nhận và hỗ trợ nhau *cố gắng hoàn thành tốt nhất, với tinh thần trách nhiệm cao nhất* các nhiệm vụ được giao.

Từ khi về nghỉ hưu năm 2008, nhận thấy mình còn đủ điều kiện, tôi trở về với hoạt động khoa học, với đồng bằng sông Cửu Long, tiếp tục những gì chưa làm được và theo dõi những thách thức mà đất nước, đồng bằng nói riêng, đang và sẽ phải đương đầu. Trở về không chỉ với tâm thế của người làm khoa học mà còn của một người đã một thời, 15 năm, là đại biểu Quốc hội, với khát vọng vì hạnh phúc của nhân dân.

Gay gắt nhất là biến đổi khí hậu, nước biển dâng và sụt lún ở ĐBSCL. Cơ bản nhất là khai thác tài nguyên theo quy luật với tầm nhìn hệ thống và động, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long. Sự phối hợp, liên kết trong quản lý, khai thác tài nguyên do đó là bức thiết để phát triển bền vững.

Là chủ nhiệm đầu tiên của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, ông có thể chia sẻ về việc thay đổi tư duy, đổi mới trong công tác vận động kiều bào để vận động lực lượng này tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước?

Tôi là Trưởng Ban Việt Kiều Trung ương *cuối cùng* và là Chủ nhiệm *đầu tiên* của Ủy Ban về Người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Chính phủ.

Tháng 10/1992, tôi được chuyển về công tác ở BVKTV. Khi giao cho tôi nhiệm vụ Trưởng Ban, Thủ tướng Võ Văn Kiệt căn dặn:

“BVKTW phải sớm đến với kiều bào, trình bày thật rộng rãi tình hình thực tế của đất nước và đường lối *Đổi mới* để kiều bào thấy cái thế của đất nước, mà có ý kiến cho rằng còn “tranh tối tranh sáng”. Không sai, nhưng cần nói lại đây là *tranh tối tranh sáng lúc rạng đông!*”

Đến với kiều bào, lắng nghe ý kiến, kể cả những ý kiến khó nghe nhất, và nguyện vọng mà kiều bào đề đạt để xây dựng chính sách.

Điểm xuất phát là phải xem kiều bào, ra đi vì *bất cứ lý do gì*, vào *thời điểm nào*, đều là con dân của Tổ quốc Việt Nam; phải tin rằng mọi người Việt Nam đều có lòng yêu nước. Những thành tựu của *Đổi mới* một lúc nào đó sẽ thổi bùng lên lòng yêu nước, gắn kết bà con với quê hương. Nhất là trong các thế hệ tiếp nối.”

Thái độ chân tình và nội dung này trong bài phát biểu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại *Hội nghị Việt Kiều Xuân Quý Dậu 1993*, đã có sức thuyết phục và lan tỏa rất mạnh trong cộng đồng người Việt Nam ở hải ngoại.

Dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, BVKTW đã cùng các Bộ, ban ngành có liên quan soạn thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị *Về chính sách và công tác đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài*, tiền thân của Nghị quyết 36 sau này, trong đó khẳng định “*Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận không thể tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam*”; “*Tinh thần Người Việt Nam yêu nước Việt Nam phải vượt lên trên những khác biệt về tôn giáo, dân tộc, hoàn cảnh kinh tế, và cả sự khác nhau về chính kiến*”.

“Bốn yêu cầu chính trong *Chính sách và công tác người Việt Nam ở nước ngoài* là: *Bảo vệ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam ở nước ngoài; Nâng cao ý thức cộng đồng, tăng cường đoàn kết tương trợ, đùm bọc lẫn nhau, cùng nhau gìn giữ bản sắc văn hóa dân tộc và phẩm giá con người Việt Nam; Tôn trọng luật pháp nước sở tại, hòa nhập với xã hội và nhân dân nước sở tại; Giúp kiều bào hiểu tình hình đất nước, phát huy khả năng góp phần xây dựng quê hương, kết hợp lợi ích của mình và của đất nước*”³.

Từ tháng 3/1996 cho đến nay, khi còn đương chức hay đã nghỉ hưu, dù ở cương vị công tác nào, tôi vẫn nhớ đậm nét bốn năm công tác ở BVKTW rồi UBvNVNNoNN, chặng đường đầu của *đổi mới công tác vận động kiều bào*. Tôi luôn tin rằng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có thể góp phần vào công cuộc hội nhập, *không chỉ Việt Nam vươn ra với thế giới mà còn đưa thế giới đến với Việt Nam*.

Cộng đồng ngày nay khác nhiều so với lúc tôi sống và hoạt động ở Pháp, về số lượng, về thành phần, về cơ cấu tại mỗi địa bàn, cũng như về số lượng địa bàn⁴.

Sự ra đời, trưởng thành của các thế hệ tiếp nối, sự ổn định, từng bước hòa nhập vào xã hội nước sở tại, một số không ít trường hợp thành đạt trong nghiên cứu khoa học, trong giảng dạy, trên thương trường, trên chính trường là những thay đổi rõ ràng về cục diện

³ 50 năm Ủy ban nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài (1959-2009), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, *Một chặng đường*, trang 119 – 124, Hà Nội, 2009.

⁴ Theo số liệu của Bộ Ngoại giao, Ủy ban nhà nước về Người Việt Nam ở nước ngoài, ngày 27/11/2020, hiện có 5,3 triệu người Việt và gốc Việt đang sinh sống tại 130 quốc gia và vùng lãnh thổ

của cộng đồng tại các địa bàn. Mỗi quan hệ với đất nước mang những sắc thái và cơ hội mới.

Thực tế cho thấy *cội nguồn văn hóa, lòng tự hào dân tộc, tình cảm quê hương* vẫn còn đó, được gìn giữ qua *tiếng Việt, qua văn hóa* kể cả qua *âm thực*. Những gấn bó đó đã từng và cũng sẽ - tôi tin như vậy - bừng sáng khi chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc bị đe dọa.

Thế và lực của đất nước ngày nay cũng khác xa so với trước. Cách đây 20 năm, Việt Nam còn chưa gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, chỉ có mỗi *Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam – Hoa Kỳ*. Hiện nay nước ta là một trong số các quốc gia hội nhập quốc tế sâu rộng nhất thế giới (Việt Nam đã ký kết 15 FTA, trong đó nhiều FTA thuộc thế hệ mới), với độ mở của nền kinh tế rộng tương ứng.

Nền kinh tế Việt Nam trên cơ sở tốc độ tăng trưởng GDP trong 15 năm gần đây, được dự báo sẽ tham gia nhóm thu nhập trung bình cao vào các năm 2025, 2026.

Trình độ công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thương mại dịch vụ đã được nâng cao đáng kể nhờ đi ngay vào những công nghệ hiện đại. Các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực chế biến, chế tạo cũng đã góp phần vào sự nâng cao này.

Đến cuối năm 2022, 73,2% dân số Việt Nam đã *nói mạng Internet*, có 94,2 triệu thuê bao điện thoại di động thông minh. Hệ thống cáp quang đã được triển khai đến 100% các xã phường thị trấn, 91% thôn bản, 100% các trường học.

Việc đi lại trong nước và với nước ngoài bây giờ cũng thuận tiện nhiều so với ngày trước.

Mức sống, nhất là ở các đô thị lớn, không còn quá cách biệt với các nước phát triển như trước. *Chất lượng cuộc sống và môi trường* đang là những mối quan tâm hàng đầu của Nhà nước. Nhiều người nước ngoài đến Việt Nam du lịch hay làm việc đánh giá Việt Nam là một *đất nước thanh bình, người dân thân thiện*.

Khoa học, công nghệ, đặc biệt công nghệ thông tin và truyền thông, tiến rất nhanh. Khoảng cách không gian và thời gian được rút ngắn, gần như *trực tiếp và tức thì*. *Việc đi lại* bây giờ cũng thuận tiện nhiều so với ngày trước. May mắn là người Việt Nam ở trong và ngoài nước có mặt trong nhiều lĩnh vực kể cả các lĩnh vực tiên tiến nhất.

Mối quan hệ với quê hương, khả năng hợp tác giữa đồng nghiệp ở trong và ngoài nước đa dạng, phong phú, và trên nhiều mặt thuận lợi hơn trước rất nhiều. Đó là mẫu số chung để cùng nhau, chúng ta hiện thực hóa khát vọng hạnh phúc cho dân tộc.



Đoàn đại biểu kiều bào tại Pháp tại bờ Bắc sông Bến Hải (4/9/1970)



Đại lộ Kléber ngày 27.01.1973



Lãnh đạo Đảng và Nhà nước chụp ảnh lưu niệm với kiều bào Tết Ất Hợi 1995



TT Võ Văn Kiệt phát biểu tại Hội nghị “Đoàn kết, hòa hợp dân tộc, động lực phát triển đất nước”



Từ trái sang: Vũ Khoan (BNG), Lê Xuân Trinh (VPCP), Nguyễn Ngọc Trân (BVKTU), Nguyễn Ngọc Hà (BVK Tp Hồ Chí Minh)



Chủ tịch MTTQVN, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Bí thư TƯ Đảng Hồng Hà chụp ảnh lưu niệm với đại biểu.